

SỐ 2109

## LUẬN PHÁ TÀ

*Thời tiền Đường, Sa-môn Thích Pháp Lâm ở chùa Tế Pháp soạn thuật.*

### LỜI TỰA VỀ NHỮNG TRƯỚC TÁC CỦA PHÁP SƯ PHÁP LÂM Ở TƯƠNG DƯƠNG

Dẫn theo “Bí thư” thời tiền Đường.

Thần diệu vô phương, chẳng phải trừ tính có thể lường biết. Chí lý ngưng lắng, đâu phải chỗ biết của chuẩn mực. Thật là đạo thường không lời, bờ mé ấy dứt tuyệt, sao có thể cậy ở trời rộng lớn nhìn sâu thăm ấy ư? Đến như nguồn gốc của Ngũ môn, Lục độ; giáo điển của bán tự nhất thừa, mục đích của Cửu lưu bách dân, văn từ của tam động tứ kiểm. Giả sử có thể dùng kinh vẽ để xiển dương đồ hình đó, có thể dùng tâm lực đến cảnh giới đó. Anh tài mưu trí thật đời nào cũng có người như vậy.

Pháp sư Pháp Lâm, vốn dòng họ Trần, người xứ Dĩnh Xuyên, là con cháu của Tư Không Quần ở thời nhà Tấn. Từ thời nhà Lương nhà Trần, gia đình đời đời đều nối tiếp quan vị. Pháp sư tập học Tam luận, tiếng tăm vang vọng từ khắp chốn triều đình cho đến thôn dã. Lúc trưởng thành lại gồm thông các giáo điển, tiếng tăm chấn động khác tục, oai nghi chỉnh túc, hòa nhã, phần tiết ngậm thông, lưu luyến bút mực lắng trong, phát khởi trích nhón nhỏ nhiệm ẩn mật. Khắp đất vừa tỏa sắc xuân, ẩn tàng dùng để bày lượng đức nhân, như ngu như dốt, công phu bên ngoài mờ tối, bên trong tỏ sáng, nên hay biết khắp lường biển, đạo gần kề Di Thiên. Đâu chỉ tiết tháo tự loại thần núi biển, xếp bằng Sưu Lương mà thôi. Vì văn ấy tình là điển mà chẳng dã, lệ mà có sắc, như

tám âm đều cùng tấu, ngang bằng năm sắc cùng tuyên. Đạo hạnh thì nhận nạp chánh kiến ở Tam không, cứu giúp quần mê ở tám khổ. Đã học rộng thông mà tâm nhún nhường, cũng giữ thấp kém để điều phục cao. Thật là rường cột của dòng họ Thích, bởi vũ nghi của nhân luân ấy vậy. Thêm vì giúp thiếu kém cứu nguy ách trước người sau mình, trọng phong quang tỏa chiếu ở cửa rừng, mền núi sông đeo dải ráng mây. Nguyễn lực thì dung thông, dấu tích trọn đời không lừa dối.

Khoảng cuối niên hiệu Khai Hoàng (601) thời nhà Tùy, Sư vào ẩn trong động Quỷ cốc ở núi Thanh Khê, xây dựng hang sườn thì rách tẻ lên nhìn được nhật nguyệt, trống không thoảng bay, cửa nẻo thì nhả nhận gió mây. Thời gian ấy pháp sư tham tầm ngũ phương mà nép ngưỡng, rảo du bát thiên mà ngủ nghỉ, ăn bột từng truat nơi khe hang, vận mặc rơm cỏ ở núi rừng. Mọi người đều chấp tay quy y, xoa đầu hỏi đạo, kinh hành điềm tỉnh có hơn mười năm, nhưng nơi lớp lớp núi chướng cao nguy, từng cao hang lớn, chốn người già miên, quê hương nấu cuộn quanh, chỗ các bậc cổ hiền giãm vết, không ai chẳng đích thân đến trông xem, men hang chỉ về. Pháp sư mới soạn thuật “Thanh Khê Ký” một quyển, thấy lưu truyền ở đời. Thái sư lệnh khó dịch học nghiệp dong ngu cạn cợt, nhận biết nghĩ ngợi chẳng dài xa, mới đục khoét chương ngắt, cậy nhờ lẩn lướt chánh giá, sắp sợ chấn động đó trải bày cổ xúy, trộm sánh với cửa sấm. Những người trung dung rất thành trở ngại lắm hoặc. Pháp sư vì xót thương côn trùng ấy, lại soạn thuật “Luận Phá Tà” hai quyển. Tuy biết ngộ vệ đồng tấu biểu văn, khác là chín thành, ruồi ngựa đều rong ruổi, thấy kỳ lạ cả ngàn dặm. Cuối cùng, đỏ tía phải riêng sắc màu, đục trong phân dòng, quả trách vì hứng phạm lương Thánh, chê bai vì lỗi tục sánh chân. Nêu dẫn văn chứng lý, chẳng phải Đạo giáo thì Nho giáo, điển pháp đặt để tình sau chỉ ước khắp kín, không gì chẳng vết loạn, biểu bày chẳng những ngói vỡ bằng tan. Vào thất có tiết tháo đồ mâu, khuyết góc không dung đất đầu. Từ đó biên ghi chẳng cùng lưu truyền nơi đời, như vạch mây mà thấy mặt nhật, cùng trong chốn mê mà đắc đạo vậy.

Tánh chất của Pháp sư trước thuật, nhanh chóng mà lại sắc lý. Phạm sau khắc thành có lắm chỗ sai sót. Nay rải rác gom nhặt được các thứ thơ, phú, di, chí, tán, tụng, châm, giới, ký, truyện, khái, luận và Tam giáo hệ phả, Thích Lão Tông Nguyên v.v... hợp thành ba mươi quyển. Pháp sư với tôi tình thuần nước dạt mà nghĩa ngang bằng vàng lan, tuy phục chế khác nghi mà phong kỳ thuần dốc. Nay tôi tạm dùng dây leo nói liền châu ngọc ấy, biên thành theo thứ tự, văn từ như sau.

### KHẢI VĂN TẤU TRÌNH ĐIỆN HẠ VỀ “LUẬN PHÁ TÀ”

Sa-môn Pháp Lâm khai tấu: tầm mở đầu của Tam nguyên Ngũ vận, dấy khởi của Thiên Hoàng Nhân Đế, văn từ của Quy đồ Điều Triện, pháp điển của Kim Bảng Ngọc Tứ, pháp độ của Lục Hành Cửu Quang, sách võ của Bách Gia Vạn Quyển, không gì chẳng dẫn dắt mỹ phong của Nhân Luân Tín Nghĩa, thuật khuyên giáo điển của Chu Khổng ở Trung Hoa. Gồm tất cả cốt yếu ấy chưa thấu đạt tận nguồn sinh tử, trình bày nghĩa lý ấy, chẳng vượt khỏi khu vực hữu vô. Đâu như Ngũ phần Pháp thân, Tam minh chủng trí, Trăm nhiều thường lạc nào có biến đổi. Xa thay! Chân như chẳng diệt chẳng sinh, mà hay dẫn giúp muôn loài. Đức từ tỏa trùm sinh linh, mở bến giải thoát tới bên kia, mở phủ cứu cánh vô vi, vớt đỡ quần sinh ở ngoài biển kiến, cứu dắt các con ở trong nhà lửa. Chỉ hóa cách Thông hà có hơn ngàn năm, giáo điển lưu truyền đến đất Hán (Trung Hoa) đã sáu trăm năm. Khám tháp dựng lập có thể chẳng cùng trông thấy nhau, thần nhân nối tiếp gót. Do đó, Sa-môn Đạo An lên kiệu của Tần Đế, Sa-môn Khương Tăng Hội lên xe của Ngô Chúa, Pháp sư Cao Tòa hay trình bày Bát chánh, Hòa thượng Phù Đồ khéo giảng nói Ngũ thừa. Hóa hợp chín châu, phước đơm ba đời. Đó đáng xưng gọi là làm lợi vật ư?

Vào thời nhà Tùy bị bột vận, chó ngựa sinh ngoài giao dã, tai ương nổi khắp mọi nơi, hung độc lưu tỏa muôn dân, đước tuệ đã ẩn, mưa pháp dần tan. Nhờ có thời Đại Đường chúng ta, trên ứng với tâm trời, dưới hợp với mong mỏi của dân thứ. Bù đắp trời để sáng lệ tam tượng, quần ràng đất để an ngũ nhạc. Sinh dân đội nhờ ân tái tạo, Thích Môn (Phật giáo) được an bang trùng hưng. Nhờ đó mới hơn hở sáu ngũ thường đây, bốn tam hoàng kia, trở lại phong tục thuần phác, ở ty đã chẳng thi hành. Phó Dịch mới công khai tự nhiên lưu bố khắp xa gần, khắp các quán rượu trong nhân gian đua nhau cười đùa đàm phán, có phiến lụy đến Thanh phong, dơ uest hoa tục, nuôi lớn vật tà kiến, tổn hại ruộng phước nước nhà. Với lý không thể như vậy!

Cúi nghĩ, chỉ có Điện hạ xưa trước đã nhờ Tam quy, lâu ngày hành giúp thập thiện, đến với sự hoài mong của muôn dân, ứng kỳ vận đại bảo, đạo hợp lớn mạnh thái bình, đức tỏa sáng kế tiếp hậu, phát lại âm vang sấm sét thì nhà sau đều mở, tỏa ánh sáng minh lý thì đường tối đều soi. Rực rỡ thay! Thỏa đáng thay! Khó thể xưng gọi được vậy. Hẳn vì ánh sáng nhà Hán tỏa chiếu lại nơi đời, Chu bốc trọn năm, lại hay giảng ý cửa khước, xoay tình cảnh thẳng bến bờ tại ý niệm, tường vách làm tâm. Cúi mong bẻ gãy cây phướng tà kiến, đốt đước chánh pháp, tượng

hóa thừa nhờ ân sâu đây vậy. Nay chẳng nhậm ý chí buồn bã, kính cẩn dâng trình “Luận Phá Tà” hai quyển, vết trần nhuộm dính oai nghiêm, càng thêm lo sợ. Kính cẩn khải tấu!

Ngày hai mươi bảy tháng giêng năm Võ Đức thứ năm (622) thời tiền Đường, Sa-môn Thích Pháp Lâm ở chùa Tế Pháp kính dâng.

-----

## LUẬN PHÁ TÀ

*Thời tiền Đường, Sa-môn Thích Pháp Lâm soạn.*

### QUYỂN THƯỢNG

Thái sư lệnh triều tán Đại phu thần Phó Dịch dâng tấu việc giảm bớt chùa tháp, phước đẹp tăng ni, có cả thảy mười một điều. Thần Phó Dịch nói: Thần nghe Hy nông Hiên viên trị hợp phong hóa của Lý Lão (xin Đàn-hặc rằng: Trong sách Thi nói, trên dùng phong hóa xuống, dưới dùng phong châm lên. Ở thời nhà Chu, Lão Tử làm thủ thư tạng sử, như Quan Bí thư hiện nay, vốn chẳng phải Thiên tử. Vậy thì có phong hóa gì khiến Hy nông Thượng đế cùng đó hợp trị?). Các đời Ngu, Hạ, Thương có chính sách phù với giáo điển Chu Khổng (xin Đàn-hặc rằng: Chu Công, Lão Tử đều là quốc thần dâng thuật giáo điển của Ngu Hạ xuống cảm hóa dân chúng kiểu bặt, cũng chẳng phải Nhân Vương, chẳng được tự làm giáo chủ, đâu khiến Ngu Hạ bốn Quân vương phù hợp với giáo điển của Chu Khổng ư?).

Tuy có thể Thánh có trước sau, đạo đức chẳng riêng biệt, Quân vương có men theo thay đổi nhưng trị thuật vẫn còn đồng. Trộm nghe, như Lão Tử đánh đất màu mỡ mà ca hát, mười lăm trẻ nhỏ vỗ bụng mà vui tươi an lạc, canh cày hay nhường, giữa đường chẳng lượm vật rơi, hiếu tử kế thừa gia nghiệp, trung thân đầy nước, nhưng Quốc vương có nạn thì quên cả thân mạng mà báo đáp (xin Đàn-hặc rằng: Đã khắp nước đều là trung thân, sao được có nạn? Nói thường học trò của sáu khanh chẳng nên nổi nghịch,) Cha mẹ mắc bệnh thì trọn đời ở bên chăm hầu, đâu chẳng phải tặng sâm bạn của Mẫn Tử. Trường học thành rừng, Mặc Dịch đồng bạn với cảnh cung, cùng lại phụ giúp (xin Đàn-hặc rằng: Ba mươi chín đời chỉ có một Tăng Sâm. Từ thời Hán Cao Tổ trở về trước, riêng suy lời nói Mẫn Tử thành rừng là không thật, tấu của phụ giúp, vốn việc hư dối quá lắm vậy). Mới có giữ đạo ngậm đức, không tham muốn, không mong cầu (xin Đàn-hặc rằng: Châu An Thúc Đoạn không thể giữ đạo, Hạ Kiệt, Ân Trụ chỉ chuyên việc tham cầu vậy). Sủng nhục như kinh hãi, chức tham hàng châu (xin Đàn-hặc rằng:

Phan Sùng Nghệ mất chưa chịu như kinh hải dòng họ Lý, Dương Hóa cũng ở xếp hàng châu vậy). Kinh Sơn trên đỉnh vin gá Thăng Long, dòng họ Hầu bên Đền cùng theo cưỡi hạc. Sứ của Diêu Trì Vương mẫu đầy đủ lễ đến châu, thần của Bích Hải vô di, đi khắp báai yết vua. Sở dĩ như vậy là bởi lúc ấy cùng tuân theo giáo điển của Lý Khổng (xin Đền-hặc rằng: Hoàng đế Thăng Long là ở đời của Tam Hoàng, Diêu Trì Vương mẫu lại ở thời Chu Mục Vương. Tính ra lúc ấy Lý Lão chưa ra đời, Khổng Khâu cũng không có, không nên trái lại tuân theo Lão giáo tức hành tập Khổng thư), và không có Hồ Phật nên vậy (xin Đền-hặc rằng: Ông đã xưng không có Phật thì cũng không được có Đạo vậy).

Từ thời Hậu Hán, vua Hiếu Minh Đế (Lưu Trang 58-76) ban đêm ngủ mộng thấy người vàng. Phó Nghị ứng đối sắc chiếu, biện giải nói là Hồ Thần (xin Đền-hặc rằng: Nếu trong thời nhà Chu chẳng đến, thì Phó Nghị đâu biết có Phật! Lường đã đến trước, sớm có dòng họ Phó được biết Tiên Tổ nói Phật. Sao ông ngược lại xưng không có năm thứ nghịch trọng, ương lụy tự đầu thai trọn kiếp.) Trong khoảng niên hiệu Trung Nguyên (56-58) thời Hậu Hán, chưa có tin đó (xin Đền-hặc rằng: hơi từ quá lắm). Đến trong thời nhà Tấn nhà Ngụy, Di Lỗ tin được một phần (Đền-hặc rằng: Lễ nhạc áo mào đến nhà thời Tấn mới đầy đủ. Ông đã phỉ báng trong Di Lỗ, Hạ là ai?) Phù dung gá Phật trai mà nổi nghịch, chạy trốn trên Giang đông; Lã quang mượn cơ đánh hồ mà phản lại Quân vương riêng lập ở Tây Thổ (Đền-hặc rằng: Người thời bấy giờ ganh ghét Phù dung phỉ báng cho là kết nhóm Lã Quang đi đánh trở về, Phù chúa nước phá bên ở Hà Hữu xưng bá tại Lương Châu, cũng chẳng phải do chư tăng trái phản ở Tây thổ). Hàng đó về sau, yêu Hồ dần đông nhiều, hơn một nửa xen tạp Trung Hoa (Châm nói: Từ bi huân đức ra ở mặt kiếp đời ác, có duyên được độ, chánh tại thời này). Các quan trong cửa vụt nhiên nhận thọ tà giới của kẻ đoái hầu, các Nho sĩ trúng học nói ngược, ngôn ngữ mông lung của yêu Hồ (Châm nói: Các quan tuân phục nhần nhục, Nho sĩ quý đàm của kim khẩu). Ca hát khúc loại, nghe đó mất gốc, hôi thối đồng như chợ cá, quá mất mùi hương (Đền-hặc rằng: Phát tiếng ông oái, tung mùi cá nơi ông, hẳn biết là mất gốc, quá ấy sao chẳng mất mùi hương? Ngửa mặt nhỏ nước bọt lên trời, tự nhận nhục ấy. Lời nói đó thật đáng tin cậy). Kiềm lại rộng tạo dựng già lam tráng lệ chẳng phải chỉ một (Châm nói: Tạo nghiệp sinh lên cõi trời, gieo nhân thoát khỏi khổ), nhọc công thợ làm riêng ngồi nề hồ (Châm nói: Tranh vận thân tay, nghi tượng Thánh Tôn), khoa hồng chung của Hoa Hạ, nhóm Ngụy chúng của Phiên tăng (Châm nói: Giống chuông

thần của trăm luyện, mời Thánh chúng khắp ba ngàn) kích động tai mắt của dân thuần, vin đòi của cải của Doanh tư (châm nói: cảm tai mắt của người có tín tâm, phế bỏ của cải của tham si). Nữ công dệt lụa, cắt làm phan phướng của dâm tế, thợ khóa đúc vàng bạc, tán khác mã xá lợi (châm nói: nữ công dệt lụa tạo phan tục mạng, thợ khếp đúc vàng bạc xây dựng tháp toái thân). Lúa thóc bún gạo, giăng bày hội của tăng ni, hương dầu đèn sáp, treo chiếu nhà Hồ thần (châm nói: lúa thóc bún gạo tranh bày hội phước điền, hương dầu đèn sáp cầu chiếu nhà từ bi). Bóc lột của cải dân chúng, cắt xén kho đụn nước nhà, quý thần triều đình chẳng từng tỏ rõ. Thật đáng đau xót thay! (Đàn-hặc rằng: triều đình nghiêm xét xưa trước xả bỏ thế tục, quy hướng chân chánh sùng dòng họ Thích, chẳng đồng tà kiến).

Cúi nghĩ, chỉ Bệ hạ trấn định mở rộng cửa trời, thay ngôi báu mới, thông hành khó khăn của vạn vật chăng? Lại nuôi dưỡng muôn dân, trải ban mỹ phong vô vi của Lý Lão mà nhân dân tự cảm hóa, cầm nắm lễ ái kính của Khổng Khâu, mà khắp thiên hạ hiếu từ. Vả lại, kinh giáo của Phật, vọng nói tội phước (châm nói: nguyên do của giáo pháp chỉ bày người dứt cửa xấu ác, mở đường người làm lành). Quân dân trốn địch, cắt tóc ở ẩn trong, chẳng phụng sự song thân, chuyên làm mười điều xấu ác (châm nói: xả bỏ ái ân của song thân, tu nhân phong của mười thiện, nhẫn chịu trái nghịch nhỏ ấy để thành thuận lớn). Năm tháng chẳng trừ, gian nguy càng lắm. Thần (Phó Dịch) đọc xem thứ khế, dẫn từ Bào Hy cho đến Hán Cao, cả thấy có hai mươi chín đời, hơn bốn trăm quân vương, chỉ nghe cúng tế Thượng đế ở ngoài giao (Đàn-hặc rằng: Viên binh Nam giao chẳng khỏi tội quá giết hại muôn sinh, đâu như Phật giới lấy chẳng giết hại đứng đầu. So sánh phải quấy, đoán có thể biết được vậy). Quan trị dân xét chưa thấy chùa nhà tượng đồng, xây dựng xã tắc an ổn bang quốc. Xin để cho tà giáo Hồ Phật trở về lại Thiên Trúc (châm nói: duyên cảm thì dấy động, việc rồi bèn dứt, qua lại ứng vật, ẩn hiển theo thời). Phạm là Sa-môn thả trở về quê cũ, khiến đồng đảng trốn khóa, đều vui thích thâm thuế, các người trốn lánh làm việc, hằng vui thích dốc sức, chớ độ trẻ ngốc kính bá nước nhà (Đàn-hặc rằng: xưa trước Nghiêm Tử Lăng chẳng lễ bá Thiên tử, Triệu Nguyên Thúc vái dài Tư Không, sách vở ngợi ca vẻ đẹp ấy vậy. Hướng gì Sa-môn là ruộng phước xuất thế, dòng họ Thích là Cao sĩ ngoài vật, muốn khiến bá yết, trái nghịch tổn hại rất lắm, theo lý không thể được vậy). Tự đủ trung thần túc vệ tông miếu, thì thời Đại Đường chúng ta mở mang trấn định, làm chủ của tạo hóa, trăm họ vô sự làm dân của Hy

Hoàng (Đàn-hặc rằng: Đời của tạo hóa, người không thấu suốt, dân của Hy Hoàng vạch bụng mà nằm. Thánh minh ở trên đầu tin ngôn từ của Thôi Hạo Khương Bân ấy ư?). Thần Phó Dịch rất mực kính sợ (Đàn-hặc rằng: phụng sự Quân vương dốc biết tâm trung, mở lời nói năng mà có tin nghe. Tấu trình chẳng thật, tội lỗi có chỗ kết quy; vu khống nước nhà, trọn phải chịu đao kiếm. Đầu phải chỉ kính sợ mà có thể xong ư?). Kính cẩn dâng trình, ích nước lợi dân, gồm có mười một điều như trên, kính cẩn tỏ bày (Đàn-hặc rằng: như điều ông tấu là tổn nước hại dân, việc không thể được).

Ngày hai mươi tháng tư năm Võ Đức thứ tư (621) thời tiền Đường, Triều Hán Đại phu Hành thái sử lệnh thần Phó Dịch dâng tấu.

### KHAI VĂN DÂNG TẤU TÂN VƯƠNG

Sa-môn Thích Pháp Lâm v.v... khai tấu: Pháp Lâm tôi nghe, tình tha thiết thì tiếng người ấy hẳn xót xa; Lý chân chánh thì lời nói người ấy hẳn ngay thẳng. Do đó, cùng Tử nghĩ muốn thấu đạt lời nói ấy, nhọc người muốn ca việc ấy. Cớ sao? Trộm thấy khoảng cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) thời nhà Tùy, thiên hạ tán loạn, đất trời đen nhàm, bốn biển nhẩy vọt, sóng động bụi bay, gò đồi thiêu đốt, đất bằng cháy lan, năm ngựa tuyết đường nổi sông, bảy trẻ con có ca bình luật, lúc đốt lửa ra hiệu, vũ hịch rong bay, ải bít lăm lo toan, đánh chém chẳng dứt, đao tiêu đức loạn, vận hết số cùng, chuyển thấu lăm nhiều, đầu gom sọt liệm, thân chất như rạ, máu chảy thành sông, con người không nơi nương nhờ để sống, mọi vật cũng nhọc dừng, không nơi khống cáo, ném hài cốt chẳng theo. Trăm họ khổ nổi treo ngược ấy, muôn nước khôn nổi không chủ đó, há là đồ hiện pháp luân tuyết hưởng, chánh giáo bị lấn lướt?

Thánh thượng dấy tâm thương xót trần tục, thuận mạng trời cao, bèn cất cờ nghĩa bình trị một khu vũ. Bấy giờ các hàng đạo tục đều được đội nhờ, khắp chốn Hoa Di thấy vui thích. Từ đó hợp đất trời mà thông tám phong, lường âm dương mà điều bốn mùa, hòa nước nhà xếp đặt nhân luân. Công trùm phụ trời, thần sánh lập cực, giáng mây mưa mà sinh dưỡng, mở nhật nguyệt mà chiếu soi. Dùng thanh minh mà khơi phát đó, lấy văn vật mà biên ghi đó. Ân đượm hành vi, thí hợp trùng cá. Mới muốn thuật lại cứu trừ, bày trải ngũ giác, phát động học thạch cừ, trải mỹ phong trường lớp. Xa sánh với Hiên Hy, gần đồng như văn cảnh. Công nghiệp trọn lớn mạnh, chẳng biết múa của tay, đập của chân người nào ấy vậy?



Trộm thấy, việc Phó Dịch dâng tấu, mở xem chưa khắp, trong năm phân nát, tầm đọc mới khắp sáu tình phá rách. Than ôi! Lời tà mê hoặc chánh; biện giải ép bức chân, còn chẳng đủ để nghe ở hàng hạ ngu, huống hồ muốn trên liền can đến trời nghe! Chỉ bởi Phó Dịch có chứa phận ở đương thời cầu muốn chỗ vật trông thấy biết, nào dung chẳng gần tình người, không tội gây ác. Nhưng văn ngôn ấy cạn cợt quê kệch, sự lý chẳng rõ ràng, làm nhục điển mô của Tiên vương, tổn thương khuôn phép thuần phong của nhân luân. Vì sao? Phàm, người không nói, nói hẳn có trúng. Phu Tử nói: “Một lời nói hợp lý thì thiên hạ thấy quý kính. Một sự việc trái lẽ thường thì vợ con phản lại”. Quán xét việc Phó Dịch tấu dâng, bao quát đại khái cùng tận đuôi đầu, là không mạo quyết đình xử có nhiều, quý nhục Thánh nhân rất lắm. Như ý ấy của Phó Dịch, vốn muốn nhân đó mà tự mưu toan, giả sử mong cầu tiến đạt, thật chưa thể ích nước lợi dân. Trong ý là muốn mê hoặc náo động từ triều đình đến thôn dã. Nhưng Bệ hạ, ứng trời thuận thời làm chủ cả thiên hạ, đến với tâm của muôn nước, đáng niềm vui của một người, sức giúp nguy cứu đời, công hung rợ lằng loạn, hẳn dùng oai trùm cả vương xưa, tiếng cao hơn đế trước, dẫn lại còn tâm đối với Tam bảo, lưu ý nơi ruộng phước. Dự phần là người xuất gia, không ai chẳng cảm đội ân trời, chỉ do trong chư tăng có phần nào không thể tuân phụng giới hạnh, báo đáp ân nước nhà, những người không biết chẳng trái tạo tội. Đến nỗi, khiến Phó Dịch trình bày lời xấu ấy, lếu láo nhậy nhót đau lòng, không nơi vất bỏ hài cốt. Nhưng các Tăng Ni có tội thì cam nhận cực hình, mà hận Phó Dịch khinh nhục Thánh nhân ngôn từ rất hại. Rất sợ kể tà kiến nhân đây mà làm điều quấy.

Căn cứ sách Xuân Thu nói: Lúc Lỗ Trang Công vừa bảy tuổi, vào đêm tháng tư, sao thường chẳng hiện, mà ban đêm sáng như ban ngày, tức là điềm ứng lúc Phật ra đời vậy. Nhưng Phật có chân thân và ứng thân, có quyền trí và thật trí, có ba minh, tám giải, năm mắt, sáu thông. Sức thần chẳng thể nghĩ bàn, pháp gọi là tâm hành diệt mất. Đạo ấy chuyển vận các Thánh đến Niết-bàn, sức ấy dẫn dắt hạ phàm vượt biển khổ. Từ năm Vĩnh Bình thứ ba (60) thời Hậu Hán, vua Hiếu Minh Đế (Lưu Trang 58-76) mộng thấy người vàng trở lại, tượng giáo lưu truyền phương Đông, điềm linh chẳng phải chỉ có một, đầy đủ ở các sử của Hán Ngụy. Các sách của Diêu Thạch v.v... đến như Sa-môn Đạo An, Đạo Dục, Phật Đồ Trường, La Thập đều có hạnh cao hiểu sâu, là Danh tăng ở đương thời, khắp các Quân vương đều nhận biết, các hàng thặng quý thấy sùng trọng. Từ hơn năm trăm năm trở lại nay, chùa tháp dựng

xây khắp cả chín châu, Tăng Ni có cùng ba phủ, đều do các Quân vương trong thời kỳ kính tin, từ triều đình đến thôn dã thủy quy tâm, tượng giáo hưng thịnh lưu hành mãi đến nay chẳng dứt. Thật là nhờ sức của Nhân Vương.

Ở thế gian, vua tôi cha con còn gọi là ân trạch khó đáp, trời cao chẳng thể báo. Huống gì Phật là cha lành của chúng sinh xuất thế, lại là vị thầy thuốc tốt giỏi của Thánh phàm, sao lại muốn ép mà chèn đó, bắt tội mà làm nhục đó? Với lý chẳng thể được vậy. Ngưỡng tầm trí của Như Lai vượt khỏi hữu vô, đâu phải Tam Hoàng có thể lường biết; sức bao trùm tạo hóa, chẳng thể đất trời có thể tính. Liệt Tử nói: “Xưa trước, Thương Thái Tể Hy hỏi Khổng Tử: “Phu tử có phải là Thánh nhân chăng?”. Lại hỏi: “Tam vương có phải là Thánh nhân chăng?”. Khổng Tử đáp: “Tam vương khéo dụng trí dững, có phải là Thánh nhân hay không thì chẳng phải chỗ Khâu tôi biết được”. Lại hỏi: “Ngũ Đế có phải là Thánh nhân chăng?” Khổng Tử đáp: “Ngũ Đế khéo dùng nhân tín, có phải Thánh nhân hay chăng cũng chẳng phải chỗ Khâu tôi biết được”. Lại hỏi: “Tam hoàng có phải Thánh nhân chăng?” Khổng Tử đáp: “Tam Hoàng khéo dùng thời chánh, có phải là Thánh nhân chăng cũng chẳng phải chỗ Khâu tôi biết được”. Thái Tể rất kinh ngạc, tiếp hỏi: “Vậy thì ai là Thánh nhân ư?”. Phu Tử đổi sắc mặt trong chốc lát mới bảo: “Ở phương Tây có người là Thánh giả vậy. Không trị mà chẳng loạn, không nói mà tự tin, chẳng cảm hóa mà tự thực hành, mệnh mông thay! Dân chẳng thể gọi tên vậy”. Như Tam Hoàng, Ngũ Đế hẳn là Đại thánh, Khổng Khâu đâu dung ẩn mà chẳng nói bèn có tội khiến khuất lấp Thánh, lấy đó mà so sánh, suy tôn Phật là Đại Thánh.

Trong Lão Tử Tây Thăng Dinh nói: “Thầy của ta du hóa ở Thiên Trúc, khéo vào Niết-bàn”. Phù Tử nói: “Thầy của Lão Thị tên là Thích-ca Văn”. Căn cứ ngay kinh sách của Khổng Lão, những chỗ nói về kính Phật, văn chứng chẳng thiếu, đâu phải một mình Phó Dịch mà có thể phỉ báng nổi ư? Xưa, Công Tôn Long trước thuật Kiên Bạch Luận, bắt tội Tam hoàng, nói quấy Ngũ Đế. Đến nay đọc xem đó mọi người còn thấy giận lắm. Xem trước ấy thật đáng buồn thay!

Chúa thượng là bậc chí Thánh khiêm minh, mới muốn thả ngựa nghỉ trâu, tự ca cống bít mộ, dấy mỹ phong của hoàng vương, mở pháp hóa của Thích Lão. Với những thuyết cuồng giả, rất đáng nên thiêu đốt. Nếu nói Đế vương không Phật thì bình trị lâu năm, có Phật thì nghịch chính vận ngắn. Căn cứ như Nghiêu Thuấn riêng bình trị không đến đời con cháu Hạ, Ân, Chu, Tần Vương Chính từng cải đổi, Tiêu

Tường bên trong nổi, nghịch loạn cùng theo nhau. Bấy giờ không có thật, bởi nhân gì mà vận ngấn ngủi? Chỉ pháp Lâm tôi dự ở đời Nghiêu, thường ngày sử dụng không biết, ở ngoài thấy không yên ổn bèn phụng sự, sợ các Phiên quốc xa nghe, cho là Hoa Hạ không hay biết. Phu Tử nói: “Lời tiếng đầy khắp thiên hạ, không qua lỗ miệng; hành vi đầy khắp thiên hạ không oán xấu ác. Người nói đó muốn khiến không tội, người nghe đó, đủ để tự răn. Phó Dịch mở lời chẳng từ tốn, người nghe hẳn kinh ngạc, có dơ uế mỹ phong của nước nhà, đặc biệt tổn hại Hoa tục. Kính cẩn ghi lục thành thực, dám mạo phạm tấu trình.

Cúi nghĩ, chỉ Đại vương Điện hạ bầm chất anh linh tự nhiên nổi trời, phong thần đỉnh ngộ trời vượt, khí cục bao hàm rộng, hay khéo làm an lạc xa đến tận Đông bình kia, ôn dịch là hân hoan lại mới ở Tây Sở. Thêm vì A-hành trăm lường đo, thể thức thứ lớp sáu điều. Đức đã rứt lựa, nhân gồm rách lưới, mở đệ của Khương Trang, ngồi khác tuân khanh, khởi tạo vườn râu tre, yến đãi khách văn nhã, không ai chẳng thơ cực, duyên tình mà ban cho, cùng thể vật tin có thể dự bình, khắp triều đình thôn dã đẹp xinh tập quán anh hào xưa trước. Chỉ Pháp Lâm v.v... chúng tôi bên trong nhìn lại khuyết như vuông tròn ít dùng, nghĩ Phó Dịch là kẻ hạ ngu rất lắm, thẹn chê trách phàm tăng hói đầu. Xấu ác đó cùng cực, tội chẳng gì lớn bằng. Từ tên Lô Hách Tư trở lại, sau khi đất trời mở rộng chưa có ai cuồng đối bội nghịch như Phó Dịch. Chẳng mặc tình đến cùng, xẻ cốt đau tim, kính cẩn ghi lục việc Phó Dịch làm hại, tạm thuật ngôn từ thô bỉ, xếp đặt trả đáp như trên. Mảy bụi nhuộm bản, oai nghiêm càng thêm mất tuyệt. Kính cẩn khải tấu.

Ngày mười hai tháng giêng năm Võ Đức thứ năm (622) thời tiền Đường, Sa-môn Thích Pháp Lâm ở chùa Tế Pháp khải tấu.

Phó Dịch nói: “Cần Vương thì hiếm thiếu, Thích rộng thì lắm nhiều, là bởi bên ngoài phụng sự Hồ Phật, bên trong khởi sinh tà kiến, cắt bỏ râu tóc, da dễ đổi thay y phục. Vượt ra cửa thần tử (bề tôi và con) vào nhà của Tăng ni. Đứng bái yết ngọc đỉnh, ngồi nhìn xem dưới gối, bất trung bất hiếu, nhóm kết liên phòng. Vả lại, Phật ở Tây Vực, lời yêu đường xa, bỏ thân thích đuổi theo tài của, sợ trắng niên, khinh mạn tuổi già. Trọng giàu sang mạnh khỏe, mà khinh nghèo hèn yếu đuối. Mến tuổi trẻ đẹp xinh mà khinh tiện tuổi già, lấy huyễn hoặc mà làm kỹ năng tài nghệ, lấy hưởng đối làm tông chỉ. Nhưng Phật là nhà của một dòng họ, đó là quý. Làm quý không thể gần các dòng tộc khác. Đâu có thể thúc giục người Hán sống cung cấp cho kẻ Hồ chết, sao mong lớn lắm vậy? Có thể gọi là xem thường minh châu đây mà quý trọng mắt cá

kia, sai trái xa lìa cha mình mà cung kính người khác. Sao có quỳ mười cái nê hồ mà làm khanh tướng, đặt một bồn cơm thừa được làm Đế vương? Căn cứ tà thuyết của Phật, chẳng gần tình người. Vả lại, Phật khôi hài lớn lời chẳng kịp chiêm mạnh, xa xỉ tạo tác tội sâu hơn Kiệt Trụ. Vào nhà thì phá nhà, vào nước thì phá nước”.

Xin đáp rằng: “Phàm là người xuất gia, trong thì giả từ thân ái, ngoài xả bỏ quang vinh, chỉ mong cầu Vô thượng Bồ-đề, nguyện ra khỏi biển khổ sinh tử. Do đó, bỏ nghi phục của Triều Tông, đắp mặc áo ruộng phước; hành đạo để báo đáp bốn ân, lập đức để cứu giúp ba cõi. Đó là đại ý chính vậy. Nếu nói Phật là Hồ quỷ, chư tăng trở lại, sử sách trong ngoài, lược nêu nơi Khổng Lão bắt chước kính Phật, văn chương như đã nói trên để đáp người tà, mong đó chịu tội.

Trong Đạo sĩ Pháp Luân Kinh nói: “Nếu thấy Sa-môn nghĩ nhớ vô lượng, mong sớm xuất thân để tập học vượt chân”. Lại nói: “Nếu thấy đồ tượng Phật, nghĩ nhớ vô lượng, nên mong tất cả đều vào pháp môn”. Trong Thái thượng thanh tịnh tiêu ma bảo chân an chí, trí tuệ bản nguyện bản giới thượng phẩm kinh, nguyện thứ bốn mươi chín nói: “Nếu thấy Sa-môn, phải mong hết thấy thấu rõ pháp độ, được đạo như Phật”. Lão Tử Thăng Huyền kinh nói: “Thiên Tôn bảo Đạo Lãng, sai sang phương Đông đến nơi chỗ Phật, thọ học giáo pháp”. Đạo sĩ Trương Lãng Biệt truyện nói: “Trương Lãng ở trong núi Học Minh, cúng dường tôn tượng vàng ròng, tụng đọc kinh Phật”. Thăng Huyền Kinh nói: “Ở phương Đông, Như Lai sai bảo Đại sĩ Thiện Thắng đến nơi Thái thượng mà bảo “Như Lai nghe con vì Trương Lãng mà giảng nói pháp, nên sai ta lại thăm con”. Lại nói với Trương Lãng rằng: “Người theo ta đến nơi chỗ Phật, sẽ khiến con được thấy điều chưa từng thấy, nghe điều chưa từng nghĩ”. Trương Lãng liền đánh lễ Đại sĩ và theo đến nơi chỗ Phật”. Lão Tử Tây Thăng kinh nói: “Thầy ta du hóa ở Thiên Trúc, khéo vào Niết-bàn”. Trí tuệ Quán thân Đại Giới Kinh nói: “Đạo học phải nghĩ nhớ vân du Đại phạm lưu ảnh nơi cung lễ Phật”. Thăng Huyền Kinh nói: “Nếu thấy Sa-môn muốn lại nghe kinh quán trai, chủ cúng không được tính hao phí ăn uống mà cắt đứt không chấp thuận, phải suy đặt lên tòa, Đạo sĩ Kinh sư cũng tại phía dưới đó”. Thăng Huyền Kinh lại nói: “Đạo sĩ thiết trai cúng dường, nếu có Tỳ-kheo đến, có thể mời lên trên tòa, khéo thiết bày mọi thứ cúng dường, Đạo sĩ kinh sư tự tại dưới đó. Nếu Sa-môn Ni đến nghe pháp, phải ổn định an đặt mới vì lên tòa, người cúng phải đúng như pháp mà cúng dường, không được ngăn cản”. Hóa Hồ Kinh nói: “Mong hái hoa Ưu đàm, nguyện đốt hương

chiên đàn cúng dường thân ngàn Phật, cúi đầu đánh lễ Định quanh”. Lại nói: “Phật sinh sao muộn quá, lại nhập Niết-bàn sớm. Chẳng thấy được Thích-ca Văn, trong tâm thường áo não. Theo các bản cũ đều nói ta sinh sao quá muộn, Phật sao diệt độ sớm”.

Linh Bảo Pháp Luân kinh nói: “Cát Tiên Công vừa sinh mới vài ngày, có vị Sa-môn người ngoại quốc thấy Tiên Công hai tay nắm giữ, nên bảo cùng cha mẹ của Tiên Công rằng: “Đứa trẻ này là Bồ-tát Thiện Tư ở Tây phương, nay đến đất Hán giáo hóa chúng sinh, sẽ vân du Tiên đạo, giữa ban ngày bay lên trời”. Tiên Công tự nói với đệ tử mình: “Thầy ta vốn dòng họ Ba Duyệt Tông, tên là Duy-na-ha, người nước Tây Vực”. Tiên nhân thỉnh vấn chúng Thánh nạn kinh nói: “Cát Tiên Công bảo đệ tử rằng: “Xưa trước ta cùng Thích Đạo Trưng, Trúc Pháp Khai, Trương Thái, Trịnh Tư Viễn v.v... bốn người đồng thời phát nguyện. Thích Đạo Trưng, Trúc Pháp Khai hai người nguyện làm Sa-môn; Trương Thái, Trịnh Tư Viễn nguyện làm Đạo sĩ”. Tiên Công khởi cư chú nói: “Bấy giờ sinh tại nhà Các Thượng thư. Thượng thư tuổi đã ngoài tám mươi mới có một người con ấy. Khi ấy có vị Sa-môn tự xưng là Tăng ở Thiên Trúc đến nơi chợ lớn mua hương. Người trong chợ lấy làm quái lạ hỏi nguyên nhân, vị Sa-môn ấy đáp: “Đêm qua ta mộng thấy Bồ-tát Thiện Tư hạ sinh nơi nhà Các Thượng thư, ta đem hương này đến để tẩm gội”. Đến lúc sinh, vị Sa-môn ấy tới đốt hương, đi nhiễu quanh theo phía hữu bảy vòng rồi tẩm gội mà thôi”.

Tiên Công thỉnh vấn thượng phẩm kinh nói: “Cùng Sa-môn Đạo sĩ nói thì chỉ ở nơi đạo”. Trong phẩm Hiệu Lượng Công Đức của Thượng phẩm Đại Giới Kinh nói: “Cúng thí tháp miếu Phật được phước báo gấp bội ngàn lần. Bố thí cúng dường Sa-môn được phước báo gấp bội trăm lần”. Thắng Huyền nội giáo kinh nói: “Hoặc lại có người lúc bình thường chẳng chịu làm phước, thấy gặp Đạo sĩ Sa-môn giảng pháp khuyên thiện trọn không theo ý”. Trí bản nguyện đại giới thượng phẩm kinh nói: “Cúng thí Phật chư tăng thọ trai trong bữa trưa hay chùa tháp bằng một tiền trở lên, đều được phước báo gấp bội hai vạn bốn ngàn lần, công đức nhiều phước báo nhiều, đời đời được hiển minh, an vui chẳng dứt tuyệt, bảy đời tổ tiên đều được sinh vào cõi nước vô lượng chư Phật”. Tiên Công thỉnh vấn kinh nói: “Lại có người phạm thực hành công đức ấy, nguyện làm Sa-môn Đạo sĩ thái bác, đến đời sau bèn được làm Sa-môn, tập học kinh Phật, vì đại chúng mà làm Pháp sư. Lại có một người thấy Sa-môn Đạo sĩ trai giới nghiêm tịnh, đọc tụng Kinh giáo, mà cười bảo đó là: “Người kia ngựa mặt giữa khoảng không ngâm

nga lời kinh muốn mong cầu gì ư? Bụng trống giữa ngày ăn một bữa, đó là tội nhân vậy”. Đạo sĩ mới trả tâm từ vì dẫn dụ đó, nhưng người ấy vẫn cố chấp, trong ý chẳng tan mất, khi chết đọa vào địa ngục, khảo độc năm thứ khổ sở”. Tiên công thỉnh vấn kinh nói: “Cao thượng Lão Tử nói: “Ở thời Thượng cổ, nhân dân thuần phác, mỗi tự nghĩ nhớ đạo đức, lòng rộng huyền tịch, vô dục vô sự. Thuần phong ấy đã tan mất, trăm thứ đua nhau ùn nổi, muôn dòng phân chiết, gian xảo đổi cải, ngu trí lẫn bước nhau, quỷ thần giữ oai, các Thánh đều ra chế định vì giáo hóa, chỉ khiến dân tu thiện tự giữ, do đó có năm kinh, nghiệp của Nho tục, đạo Phật mỗi mỗi đều tán thán giáo ấy lớn kết quy hành thiện vậy”. Thái Thượng Linh bảo động Huyền Chân Nhất khuyến giới pháp luân diệu kinh nói: “Ta trải qua quán sát các trời, từ vô số kiếp đến nay, thấy các Đạo sĩ trăm họ, người nam kẻ nữ đã chứng đắc đạo Vô thượng Chánh chân. Cao tiên chân nhân tự nhiên, mười phương chư Phật đều nhận thọ sự cần khổ đời trước, cầu đạo không thể tính kể”. Pháp Luân Diệu Kinh nói: “Đạo nói phạm luân chuyển chẳng biết, được sinh trở lại trong loài người, có đại trí tuệ minh đạt, từ vô số kiếp học đủ thành chân nhân. Cao tiên tự nhiên, mười phương chư Phật, không ai chẳng từ hạnh nghiệp tạo nên, tiết chế tự thân, định chế tọa thiền, tư duy tinh tế”. Trên đây là ghi lục về văn của Đạo kinh bất chước kính Phật.

Xét Chu Thư Dị Ký nói: “Thời nhà Chu, vua Chiêu Vương (Cơ Hạ 1000-976 trước Tây lịch) lên ngôi năm thứ hai mươi tư, ngày mồng tám tháng tư năm Giáp Dần, sông ngòi ao hồ bỗng nhiên nước dâng tràn, giếng nước đều tràn, cung điện vào nhà, núi sông đất liền thủy đều chấn động. Đêm đó có hơi khí ánh sáng năm sắc soi chiếu suốt qua Thái Vi, tận mặt nhìn về phương Tây đều là sắc màu xanh hồng. Vua Chiêu Vương hỏi Thái sử Tô Do rằng: “Đó là điềm lành gì vậy?”. Tô Do đáp: “Có bậc Đại Thánh nhân ra đời ở phương Tây, nên hiện điềm lành ấy”. Vua Chiêu Vương hỏi: “Đối với thiên hạ thì như thế nào?” Tô Do đáp: “Ngay lúc này thì không gì cả, nhưng ngoài ngàn năm sau, Thánh giáo ấy sẽ lưu truyền khắp xứ này”. Vua Chiêu Vương liền sai bảo người khắc bia đá ghi lại điều ấy, chôn tại trước đền thờ trời ở Nam Giao. Lúc ấy là Đức Phật mới đản sinh nơi cung vua vậy.

Đến thời vua Mục Vương (976-921 trước Tây lịch) lên ngôi, đến năm thứ ba mươi hai, thấy ở phương Tây có vài luồng ánh sáng hơi khí, trước kia nghe điều dự ghi của Tô Do, biết tại phương Tây có Thánh nhân đang ở nơi đời. Vua Mục Vương chẳng thấu đạt lý ấy, sợ chẳng phải chỗ thích nghi của Chu Đạo, bèn cùng tướng quốc Lã Hầu đi đến

phương Tây, thấy gặp chư hầu ở giữa đường núi khấn đảo ánh sáng biến đổi. Lúc ấy Đức Phật đã ở nơi đời lâu rồi vậy. Đến năm thứ năm mươi hai thời vua Mục Vương, vào lúc sáng sớm ngày mười lăm tháng hai năm Nhâm thân, bỗng nhiên gió bão tung nổi, làm hư hại nhà người, đổ gãy cây cối, núi sông đất liền thủy đều chấn động. Đến sau giờ ngọ đất trời tối tăm mây mù đen nghịt, ở phương Tây có mười hai vầng cầu vồng thông qua hai phía Nam Bắc suốt liền đêm chẳng dứt. Vua Mục Vương hỏi Thái sử Hồ Đa rằng: “Đó là điềm ứng gì?” Hồ Đa đáp: “Ở phương Tây có Thánh nhân vừa diệt độ, tướng suy hiện nên vậy”. Vua Mục Vương rất vui mừng bảo: “Trẫm thường lo sợ ở đó, nay đã diệt độ, thì Trẫm khỏi phải buồn lo vậy”. Ngay lúc ấy là Đức Phật nhập Niết-bàn”. Theo Sử Lục nói: “Thượng Thái Tể Hy hỏi Khổng Tử rằng: “Ai là bậc Thánh nhân ư?”. Khổng Tử đáp: “Người ở phương Tây có Thánh giả. Không trị mà chẳng loạn, không nói mà tự tin, không cảm hóa mà tự thực hành, mệnh mông thay, dân không thể gọi đến vậy!”. Trên đây là ghi lục về văn trong Khổng Thư tán thán Đức Phật vậy.

Tin chắc mà đáp rằng, trong sách nói: “Thấy thiện như chẳng kịp, thấy ác tự tham lạnh”. Nhưng Thái thượng quý đức, tiếp theo mới lập ngôn. Đức muốn người quy hướng, lời nói muốn khiến người kính tin, mà ông không đức che chở thân, mở lời tổn hại phong hóa, khinh thường Đại Thánh, đâu phải là người ư”. Như Khổng Lão là Thánh nhân, còn tự tán thán Tam bảo, khiến các Đạo sĩ v.v... kính nhường Tăng Ni. Ông đã bảm nhận tiếp thừa Khổng Lão làm thầy, sao lại trái phản thầy dạy, phỉ báng phá hủy Thánh Tôn? Phù Tử nói: “Thầy của Lão Thị tên là Thích-ca Văn”.

Trong Tử Thư, Mâu Tử, gồm hai quyển, cũng rộng bàn luận về Phật pháp. Nội điển Thiên địa kinh nói: “Phật sai ba Thánh giả đến giáo hóa Đông độ kia, Bồ-tát Ca Diếp kia xưng là Lão Tử”. Thanh tịnh pháp hạnh kinh nói: “Phật sai ba đệ tử đến nước Chấn Đán giáo hóa, Bồ-tát Nhu Đồng kia xưng là Khổng Khâu. Bồ-tát Quang Tịnh kia xưng là Nhan Hôi, Ma-ha Ca-diếp kia xưng là Lão Tử”.

Căn cứ ở thời Tiên Hán, trong khoảng niên hiệu Nguyên Thú (122-116 trước Tây Lịch) ở đời vua Võ Đế (Lưu Triệt 140-86 trước Tây Lịch), Hoắc Khử Bệnh đánh Hung nô, đến Cao Lan qua ở Diên sơn, gặp được vua Côn-da-hưu-xà v.v... dẫn theo đồ chúng có cả năm vạn người đến hàng, và có được người vàng cao lớn hơn một trượng, tôn trí tại cung Cam Tuyền. Vua Võ Đế cho đó là đại thần, bèn đốt hương lễ bái. Đến lúc đánh mở Tây Vực, sai Trương Khiên đi sứ. Đại hạ, lúc trở

về nói là “có nước Thân Độc”. Nước Thân Độc còn có một tên khác là Thiên Trúc, đó là lúc đầu nghe được giáo pháp của Phù Đồ. Ngụy Thư nói: “Vua Võ Đế (Lưu Triệt) thời Tây Hán có được người vàng, không cúng tế, chỉ đốt hương lễ bái mà thôi”. Đó tức là Phật giáo đã dần lưu thông vậy.

Năm Nguyên Thọ thứ nhất (02 trước Tây Lịch) dưới đời vua Ai Đế (Lưu Hân 06-01 trước Tây Lịch) thời Tây Hán, sai Cảnh Hiến đến nước Đại Nguyệt Chi, nhân đọc tụng kinh Phù Đồ (Phật Đà) rồi trở về đất Hán, bấy giờ đã hơi thực hành trai giới của Phù Đồ. Đến thời vua Chương Đế (Lưu Đát 76-89) thời Đông Hán, Sở Vương Anh thích làm trai giới của Phù Đồ, phụng cúng lụa những sắc vàng, lụa nỏn sắc trắng ba mươi xấp để chuộc lỗi quá, ban chiếu báo cùng Sở Vương kính chuộng đức nhân của Phù Đồ, cúng tế trai tịnh thanh khiết ba tháng cùng thần làm thề tin vậy. Đến đời vua Hoàn Đế (Lưu Chí 147-168) thời Đông Hán, bấy giờ Tương Khải nói: “Lấy Phật Đà Hoàng Lão để can gián chúa thượng, muốn khiến ưa thích sống, chán ghét giết hại, ít ham muốn, kính chuộng vô vi”. Hậu Hán Thư nói: “Năm Vĩnh Bình thứ ba (60) thời Đông Hán, vua Minh Đế (Lưu Trang 56-76) mộng thấy người vàng, cổ đeo ánh sáng nhật nguyệt, bay đi trước điện. Vua mới hỏi quần thần. Thông sự xá nhân Phó Nghị đáp: “Thần nghe ở Tây Vực có thần, tên hiệu là Phật, chỗ thấy của Bệ hạ há không phải vậy ư?”. Vua liền sai Lang trung Thái Hâm, Trung lang tướng Tân Cảnh, Bác sĩ Vương Tuân v.v... đi sứ đến Thiên Trúc đồ họa hình tượng Phật. Thái Hâm bèn cùng Sa-môn Ca-diếp Ma-đăng và Trúc Pháp Lan về phương Đông đến ở Lạc Dương. Tại Trung Quốc có Sa-môn bắt đầu từ đó”. Hậu Hán giao tế ký nói: “Phật, tiếng Hán dịch nghĩa là giác, vì giác ngộ cho quần sinh vậy. Bao gồm tất cả giáo pháp ấy để tu thiện, lấy từ tâm làm chủ, chẳng giết hại các loại quần sinh, chuyên tinh thanh tịnh. Người tu hành tinh tấn thì gọi là Sa-môn, tiếng Hán dịch nghĩa là Tức Tâm, cạo bỏ râu tóc, xa lìa gia đình thế tục, tuyệt đỉnh tẩy dục mà quy hướng đến vô vi vậy. Lại vì tinh thần của người chết chẳng diệt mất, theo sau lại nhận thọ thân hình, tùy những việc làm thiện ác, đời sau đều có báo ứng. Chỗ quý là hành thiện tu đạo để luyện tinh thần ấy, luyện mà chẳng thôi để đạt đến vô sinh được làm Phật vậy. Thân hình cao lớn trượng sáu, sắc màu vàng ròng, trong cổ đeo mang ánh sáng nhật nguyệt, biến hóa chẳng thường, do đó mà chẳng vào nên hay hóa thông muôn vật mà rộng cứu giúp quần sinh. Kinh sách có vài ngàn quyển, lấy hư vô làm tông, bao gồm cả tinh thô, không gì chẳng gom tất cả. Khéo làm rộng



thoảng, ngôn từ ưu thắng lớn lao, chỗ mong cầu tại trong một thể, chỗ rõ ràng vượt ngoài thấy nghe. Quy hết về ở huyền vi, sâu xa, khó mà lường được, không gì bằng cứ nhiên tự mất vậy”.

Ngụy Thư nói: “Thái Hâm có thỉnh được kinh Bốn Mười Hai chương của Phật và tôn tượng Phật Thích-ca đứng. Vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) thời Đông Hán bảo thợ họa vẽ đắp họa hình tượng Phật tôn trí tại đài Thanh Lương và gò Hiến tiết, kinh văn tôn trí ở Lan Đài thạch thất. Lúc Thái Hâm trở về, dùng ngựa bạch để chở kinh tượng đến đất Hán, nhân đó mà lập chùa Bạch mã tại phía Tây Ung Môn thành Lạc Dương. Yếu chỉ kinh ấy đại khái nói các loại quần sinh đều nhân hạnh nghiệp mà khởi, có ba đời quá khứ, hiện tại và tương lai, thứ lớp tu đạo, đẳng cấp tâm hành v.v... chẳng chỉ có một, đều duyên từ cạn để đạt đến sâu, gá nhỏ nhiệm để hiện bày to lớn, dẫn hiện tại ở tích chứa đức nhân, thuận bỏ tất cả tham dục, hành lập hư tĩnh mà thành thông chiếu. Người mới đầu tu tâm thì nương tựa Phật pháp tăng thọ pháp tam quy. Pháp Tam quy như Tam úy của quân tử. Lại có ngũ giới, đoạn dứt giết hại, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, uống rượu, đại ý tương đồng như nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Người vâng phụng kính trì đó thì sinh đến cõi ưu thắng của trời người, xa lìa các khổ nạn quỷ. Nói nơi chốn của thiện ác, gồm có sáu đạo. Tại nơi ngăn ngừa tâm, nghiêm chánh thân, miệng dứt bỏ vọng ngữ, gồm tất cả, gọi đó là mười thiện đạo. Nếu hay đầy đủ như vậy tức gần thì được phước báo cõi trời, xa thì chứng đắc Bồ-đề. Vào đêm mồng tám tháng tư, Đức Phật từ hông phía hữu của Thánh mẫu mà sinh. Lúc ấy tương đương với đời Chiêu Vương Lỗ Trang ở Trung Hoa. Hình dung khác hẳn người thường, có ba mươi hai tướng quý của Đại nhân. Trời giáng điềm lành để ứng đó cũng có ba mươi hai thứ. Đến sau khi Đức Phật đã thị tịch, các đệ tử v.v... dùng gỗ hương thơm để thiêu thân, linh cốt vỡ vụn lớn nhỏ như hạt thóc, sắc màu hồng trắng, đánh đập không nát, thiêu đốt không cháy, từng có ánh sáng thần nghiệm. Đến sau khi Phật đã thị tịch một trăm mười sáu năm, có vua A-dục dùng sức thần phân chia xá lợi của Phật, sai sử các chúng quỷ thần dựng tạo tám vạn bốn ngàn tháp báu. Nay ở các nơi Lạc Dương, Bành thành, Phù phong, Thục quận, Cô tàng, Lâm truy v.v... đều có tháp ấy, đều có thần dị”.

Trong Hán pháp bản nội truyện nói: “Vua Minh Đế sai Lang trung Thái Hâm, Trung lang tướng Tần Cảnh, Bác sĩ Vương Tuân v.v... cả thấy mười tám người đến nước Thiên Trúc, cùng Ca-diếp Ma-đăng v.v... thỉnh đem tôn tượng Đức Phật Thích-ca đứng, là do vị thầy thứ tư của

vua Ưu Điền tạo nên, về đất Hán. Vua Minh Đế hỏi Ca-diếp Ma-đăng rằng: “Đấng Pháp Vương xuất hiện ở đời vì sao giáo hóa chẳng đến xứ này?”. Ca-diếp Ma-đăng đáp: “Nước Ca-tỳ-la-vệ là trung tâm của ba ngàn đại thiên thế giới và của cả trăm ức nhật nguyệt, ba đời chư Phật đều từ xứ đó mà đản sinh. Chẳng kể là trời rồng quỷ thần, những ai có sức hạnh nguyện đều sinh ở xứ ấy, nhận thọ sự giáo hóa của Phật và đều được ngộ đạo. Còn chúng sinh ở các xứ khác không duyên cảm Phật, nên Phật chẳng đến. Tuy Phật không đến, nhưng quanh mình tỏa khắp, hoặc năm trăm năm sau, hoặc một ngàn năm sau, hay ngoài ngàn năm sau đều có Thánh nhân, hoằng truyền Thánh giáo của Phật mà giáo hóa nơi đó”.

Ngày mồng một tháng giêng năm Vĩnh Bình thứ mười bốn (71) thời Hậu Hán, Chư Sơn Đạo sĩ thứ lớp triều chính ở Ngũ Nhạc đều cùng bảo nhau rằng: “Đức chí tôn bỏ lìa chúng ta, đạo pháp xa cầu Hồ giáo. Nay chúng ta nhân vào triều, thứ tự mỗi người nên đem kinh sách do Thái thượng Thiên tôn chế thuật, dốc hết khả năng của mình, cùng dâng một biểu văn”. Biểu văn nói: “Đệ tử Đạo sĩ Trử Thiệu Tín v.v... ở mười tám sơn quán Thái Sơn Tam động tại Ngũ Nhạc cả thảy sáu trăm chín chục người đáng tội chết chúng tôi kính xin tỏ bày: Chúng tôi nghe Thái thượng vô hình, vô danh, vô cực, vô thượng, hư vô tự nhiên, đại đạo nguyên thủ, tự theo tạo hóa đạo đức cùng sống vô thượng, tông chủ vô vi, cha lành của tự nhiên, từ thượng cổ đều tuân vâng, trăm đời vua không thay đổi. Mà nay Bệ hạ đạo xa quá Hy Hoàng, đức vượt hẳn Nghiêu Thuấn, tỏa sáng đượm nhuần bốn biển, khắp mọi nơi đều quy hướng đức nhân. Các thần chúng tôi trộm nhân Bệ hạ bỏ gốc theo ngọn, mong cầu giáo pháp ở Tây Vực. Các thần chúng tôi quán sát chỗ kính thờ của Tây Vực đã là Hồ thần, những điều giảng nói không liên quan đến Hoa Hạ. Lại thỉnh cầu người Hồ khiến phiên dịch lời đó nường gá đồng tương tự của xứ Hán. Các thần chúng tôi thổn thức nghĩ ngợi. Bệ hạ tuy phiên dịch được lời đó, nhưng sợ chẳng phải là đại đạo. Nếu chẳng y cứ thuận tin, mong Bệ hạ thứ tội cho các thần chúng tôi, chấp thuận cho thử nghiệm. Các thần chúng tôi có Đạo sĩ chư sơn ở Ngũ Nhạc, phần nhiều có thông minh trí tuệ, thông suốt kinh điển. Từ Nguyên Hoàng trở lại, Thái thượng kinh hành thấy đều rõ hiểu, Thái hư phù chú thấy đều thấu suốt. Hoặc có vị nuốt phù ăn hơi khí, hoặc có vị sai sử quỷ thần, hoặc có vị vào lửa không bị thiêu đốt, vào nước không bị ngập chìm, hoặc có vị giữa ban ngày bay lên trời, hoặc có vị ẩn hình nơi đất, đến như các pháp thuật phương thuốc, không gì chẳng thể

làm được. Mong Bệ hạ cho các thần chúng tôi so sánh. Một là Thánh thượng được an ý, hai là được biện rành chân ngụy, ba là đại đạo có chỗ quy hướng, bốn là chẳng loạn Hoa tục. Các thần chúng tôi sánh tài nếu chẳng bằng thì mặc tình Bệ hạ phán quyết, còn nếu sánh tài hơn được, thì xin trừ bỏ hư ngụy”.

Vua Minh Đế ban sắc Thượng thư lệnh Tổng Trường dẫn đưa vào cung Trường lạc. Đến ngày mười lăm tháng giêng, nhóm tập tất cả đến ngoài cửa phía Nam chùa Bạch Mã. Các Đạo sĩ v.v... cùng thiết đặt ba đàn. Mỗi đàn riêng mở hai mươi bốn cửa. Đạo sĩ Trử Thiện Tín v.v... cả thầy có bảy mươi người ở Nam Nhạc đem Linh Bảo chân văn, Thái thượng ngọc quyết, Không đồng linh chương, Thăng huyền bộ thư, Thái thượng tả tiên nhân thỉnh vấn tự nhiên, Ngũ chủng chư thiên, Nội âm v.v... Các kinh cả thầy một trăm lẻ ba quyển. Đạo sĩ Lưu Chánh Niệm v.v... ở Hoa nhạc cả thầy có bảy mươi người đem các kinh Trí tuệ định chí, Trí tuệ thượng phẩm giới, Tiên nhân thỉnh vấn, Bản hạnh nhân duyên, Minh châu khoa v.v... gồm sáu mươi hai quyển. Đạo sĩ Hoàn Văn Độ v.v... cả thầy bảy mươi người ở Hằng nhạc đem Bản nguyện thượng phẩm Pháp khoa, Tội phước minh chân khoa, Trai nghi, Thái thượng động huyền chân văn, gồm tám mươi quyển. Đạo sĩ Tiêu Đắc Tâm v.v... cả thầy có bảy mươi người ở Đại nhạc đem Chư Thiên linh thư, Độ mạng cứu thiên thần chương, Thái thượng thuyết cực, Thái hư tự nhiên, Diệt độ ngũ luyện sinh thi độ tự nhiên quyển nghi, gồm tám mươi lăm quyển. Đạo sĩ Lã Tuệ Thông ở Tung nhạc v.v... cả thầy có một trăm bốn mươi người, đem Thái thượng an chí thượng phẩm, Tam nguyên phẩm giới, Thái cực tả tiên công, Thần tiên bản khởi, Nội truyện, Phục ngữ, Ngũ nha lập thành, Triều tịch triều lễ, gồm chín mươi lăm quyển. Chư sơn quán Đạo sĩ Kỳ Văn Tín v.v... cả thầy hai trăm bảy mươi người ở Hoắc Sơn, Thiên mục sơn, Ngũ đài sơn, Bạch lộc sơn cả thầy mười tám nơi, đem Thái cực chân nhân, Phu linh bảo văn, Thái thượng động huyền, Linh bảo thiên văn, Ngũ phù kinh, Bộ hư văn, Thần tiên được pháp thi giải phẩm, Thượng thiên phù lục sắc cấm, gồm tám mươi tư quyển. Tổng cộng có cả thầy năm trăm sáu mươi chín quyển, đặt ở đài phía Tây. Mâu Thành Tử, Hứa Thành Tử, Liệt Tử, Hoàng Tử, Lão Tử, Trang Tử, Huệ Tử gồm tất cả kinh sách của hai mươi bảy nhà Chư Tử, có cả thầy hai trăm bốn mươi lăm quyển, đặt ở đài giữa, thiết bày thức ăn cúng tế trăm thần đặt ở đài phía Đông.

Vua Minh Đế thiết lập hành điện bằng bảy báu tại phía Tây; đường ngoài cửa phía Nam chùa Bạch Mã, tôn trí xá lợi của Phật và

kinh tượng. Trong ngày mười lăm tháng giêng, sau khi thọ trai xong, các Đạo sĩ v.v... dùng Tử địch hòa với hương chiên đàn, trầm thủy chấp quanh Kinh giáo ở đài phía Tây, rồi gào khóc khải cáo rằng: “Các thần chúng tôi kính xin tỏ bày: Thái thượng vô cực, đại đạo nguyên thủy, các thần trăm linh, nay Hồ thần nhiễu loạn người Hoa Hạ, chúa tin theo tà, chánh giáo mất vết, Huyền phong rơi lạc giềng mối. Các thần chúng tôi kính cẩn y cứ theo pháp Tam ngũ bộ cương, dám đặt kinh trên đàn, dùng lửa thiêu đốt để xét nghiệm, muốn mở hiểu điều chưa nghe, để biện rành chân ngụy”. Bèn châm lửa thiêu đốt kinh, kinh bén theo lửa cháy thành tro bụi. Các Đạo sĩ v.v... thấy lửa đốt cháy kinh, trong tâm rất kinh sợ. Những vị trước đó hay bay lên trời lại chẳng thể bay. Những vị trước kia hay ẩn hình lại không thể ẩn, những vị trước kia hay vào trong lửa chẳng thể vào. Những vị trước kia khéo giỏi cấm chủ, nay hô sai chẳng ứng. Những vị trước kia có các thứ công năng, nay đều không một ứng nghiệm gì. Các Đạo sĩ v.v... rất hổ thẹn.

Bấy giờ Thái phó Trương Diễn bảo cùng Trử Tín rằng: “Nay điều ông muốn thử, không có ứng nghiệm, tức là hư vọng. Nên theo đến chân giáo của Tây vực”. Trử Tín không trả lời. Đạo sĩ Phỉ Thúc Tài ở Nam Nhạc tại giữa chúng đông tự uất hận mà chết. Khi ấy, xá lợi của Phật tỏa phong ánh sáng năm sắc thẳng lên giữa hư không xoay quanh như lọng, che trùm cả đại chúng lóa khuất vầng nhật luân.

Pháp sư Ca-diếp Ma-đăng trước đó đã chứng Thánh quả A-la-hán, vận dụng sức từ thiện vọt thân bay cao, đi đứng nằm ngồi giữa hư không, thần hóa tự tại, trở lại nơi bốn tòa tự nhiên mà đứng. Lúc đó, trời mưa hoa báu ở nơi điện Phật và trên chúng tăng. Lại nghe giữa hư không có các thứ âm nhạc, cảm động tình người. Đại chúng quán sát vui thích, ngợi khen là điều chưa từng có. Pháp sư Trúc Pháp Lan ở giữa đại chúng liền nói bài kệ tụng rằng:

*“Chôn chẳng phải sư tử  
Đền không như nhật nguyệt  
Ao không nuốt biển lớn  
Gò chẳng phải núi cao  
Mây pháp trùm thế giới  
Giống thiện được nảy mầm  
Hiện bày pháp hiếm có  
Nơi nơi độ quần sinh”.*

Khi ấy, đại chúng vây nhiễu quanh Pháp sư Trúc Pháp Lan có vài trăm lớp. Pháp sư lại tỏa phát Phạm âm tán thán công đức của Phật,

cũng khiến đại chúng xưng dương Tam bảo, tán thuật thiện pháp, hoặc nói nhân duyên của trời người địa ngục, hoặc nói A-tỳ-đàm của Tiểu thừa, hoặc nói Ma-ha diển của Đại thừa, hoặc nói sám hối diệt tội, hoặc nói công đức xuất gia. Bảy giờ, Tư Không Dương Thành Hầu, Lưu Thiện Lăng, quan nhân thứ dân và cả phụ nữ v.v... phát tâm xuất gia; chư sơn Đạo sĩ Lã Huệ Thông v.v... cả thầy sáu trăm hai mươi người ở bốn núi cầu xin xuất gia. Các quan từ ngũ phẩm trở lên có chín trăm mười ba người xin xuất gia. Các quan từ cửu phẩm trở lên, tướng quân trấn xa, Khương Câu Nhi v.v... có một trăm bảy mươi lăm người xin xuất gia. Trì dân ở Kinh đô, Trương Tử Thượng v.v... có hai trăm bảy mươi người xin xuất gia. Phụ nữ A-phiên v.v... ở Kinh đô có một trăm hai mươi mốt người xin xuất gia.

Qua ngày mười sáu tháng giêng, vua cùng các quan đại thần văn võ v.v... vài trăm người cùng xuất gia xuống tóc, thường ngày thiết cúng, ban đêm đốt đèn, thiết bày các thứ kỹ nhạc. Cho đến ngày ba mươi tháng giêng, Pháp y bình bát thầy đều cúng thí xong, liền xây dựng mười ngôi chùa. Bảy ngôi ở phía ngoài thành, ba ngôi ở trong thành; bảy ngôi an đặt chư tăng sinh hoạt, ba ngôi an đặt chư ni sinh hoạt. Phật pháp ở thời Hậu Hán, từ đó mà hưng thịnh”. Hán pháp bản nội truyện gồm có năm quyển. Quyển một (nói về vua Minh Đế được mộng và mong cầu giáo pháp); Quyển hai (nói về công đức thỉnh cầu Pháp sư và tạo lập chùa); Quyển ba (nói về cùng các Đạo sĩ sánh tài mà độ thoát); Quyển bốn (nói về vua Minh Đế cùng các đại thần tán thán); Quyển năm (nói về lưu truyền rộng khắp).

Căn cứ theo Huyền Thông ký nói: “Năm Kỷ sửu (149), tức năm Kiến Hòa thứ ba trong đời vua Hoàn Đế (Lưu Chí 147-168) thời Hậu Hán, có Sa-môn An Tĩnh vốn là Thái tử vua nước An Tức, bỏ cơ nghiệp nước nhà mà xuất gia, giữ chí du phương giáo hóa, đến Lạc Dương, phiên dịch các kinh”. Theo Ngụy Thư nói: “Năm Nhâm dần (222), tức năm Hoàng Sơ thứ ba trong đời vua Văn Đế (Tào Thi 220-227) thời Tiền Ngụy, có Sa-môn Đàm-ma-ca-la đến Hứa đô phiên dịch giới luật”. Theo Dị Ký của Thị trung Phó Nghị ở thời Hậu Hán nói: “Năm Đinh Tỵ tức năm thứ hai mươi bảy của đời vua Chiêu Vương (Cơ Hạ 1000-976 trước Tây Lịch) thời Tây Chu, là Đức Phật đản sinh”.

Theo Ngô Thư nói: “Năm Tân Dậu (241) tức năm Xích Ô thứ bốn đời Ngô chúa Tôn Quyền (Đại Đế 220-252) thời Đông Ngô, có Sa-môn Khương Tăng Hội vốn là con trai trưởng của Đại thừa tướng nước Khương Cư mới đầu đến đất Ngô dựng lập am tranh, thiết tôn tượng

hành đạo. Người đất Ngô mới đầu trông thấy vậy lấy làm quái lạ cho là yêu dị. Hữu Ty tấu trình, Tôn Quyền hỏi: “Phật có thần nghiệm gì?” Khương Tăng Hội đáp: “Phật ẩn linh tích đã hơn ngàn năm, còn có xá lợi ứng hiện vô phương”. Tôn Quyền bảo: “Nếu có được xá lợi thì sẽ dựng tháp tôn thờ”. Khương Tăng Hội trải qua hai mươi một ngày khẩn cầu bèn có được xá lợi năm sắc chiếu sáng giữa trời, bỏ đó càng cứng chắc, thiêu đốt đó không cháy. Ánh sáng tỏa phóng lửa làm thành hoa sen lớn chiếu sáng cả cung điện. Tôn Quyền tán thán khác lạ, phát khởi tín tâm, nhân đó tạo chùa Kiến Sơ, độ người xuất gia. Tôn Quyền hỏi Thượng thư lệnh Đô Khanh Hầu Hám Trạch: “Từ đời vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) thời Hậu Hán đến nay đã bao nhiêu năm?”. Hám Trạch đáp: “Từ năm Vĩnh Bình thứ mười (67), thời Hậu Hán đến nay là năm Xích Ô thứ tư (241) thì đã một trăm bảy mươi lăm năm”. Tôn Quyền hỏi: “Phật giáo lưu truyền vào đất Hán đã lâu, bởi duyên gì nay mới truyền đến Giang đông?” Hám Trạch đáp: “Năm Vĩnh Bình thứ mười bốn (71) thời Hậu Hán, các Đạo sĩ ở Ngũ Nhạc lúc cùng sánh sức với Sa-môn Ca-diếp Ma-đăng, các Đạo sĩ không thắng nổi, nên Đạo sĩ Trử Thiệu Tín, Phỉ Thúc Tài v.v... ở Nam Nhạc tại giữa chúng hội tự uất hận mà chết, môn đồ đệ tử đưa về an táng tại Nam Nhạc. Chẳng dự xuất gia nên không có người lưu bố. Về sau, gặp phải thời Hậu Hán chinh chiến lấn lướt, binh đao chẳng ngừng dứt, mãi đến nay đã nhiều năm mới được hưng thịnh hành hóa lại”. Tôn Quyền lại hỏi: “Khổng Khâu, Lão Tử có thể sánh đồng như Phật chăng?”. Hám Trạch đáp: “Thầm tìm xem Khổng Khâu ở nước Lỗ thật là bậc anh tài tuần tú, Thánh đức vượt hẳn mọi người. Ở đời tôn xưng là Đế vương, chế tác kinh điển, dẫn dạy Chu Đạo, giáo hóa người sau. Mỹ phong Sư Nho đượm nhuần xưa nay cũng có vượt hơn người như Hứa Thành Tử, Lã Thành Tử, Nguyên Dương Tử, Trang Tử, Lão Tử, v.v... Sách của bách gia tử đều là để tu thân tự an vui, phóng nhân núi cốc, thông dong tâm chí, điều học quy về đạm bạc, sự trái nhân luân tiết tháo của già trẻ, cũng chẳng phải thuần phong trị thế an dân. Đến đời vua Cảnh Đế (Lưu Khải 156-140 trước Tây lịch) thời Tây Hán sử dụng lễ nghi của Hoàng tử Lão Tử rất sâu nặng, cải đổi tử làm kinh, bắt đầu lập thành Đạo học, ban sắc từ triều đình đến thôn dã thả đều đọc tụng. Nếu đem Khổng Khâu và Lão Tử xa sánh với Phật pháp, xa thì rất xa vậy. sở dĩ như vậy, bởi vì Khổng Lão thiết giáo, pháp điển trời chế, dùng chẳng dám chống trái trời. Chư Phật thiết giáo, tức là pháp trời vậy. Kính phụng hành, không dám trái ý Phật. Lấy đó mà nói thì không thể sánh đối rõ ràng vậy”. Tôn Quyền

rất vui mừng, dùng Hám Trạch làm Thái tử Thái phó.

Trong thời tiền Ngụy, vua Minh Đế (Tào Nhuệ 227-240) từng muốn phá hủy ngôi Phù đồ ở phía Tây cung điện. Có vị Sa-môn người ngoại quốc đem mâm vàng đựng đầy nước đặt ở trước điện, đem xá lợi đặt vào trong mâm nước mới có ánh sáng năm sắc phóng lên. Vua bèn ngồi khen khác lạ, mới tạo dựng cổng bao quanh phía Đông đường đi dài cả trăm gian để làm tinh xá. Đến năm Thiên Hưng thứ nhất (398) thời Bắc Ngụy, vua Thái Tổ (Thác Bạt Quế 386-409) ban sắc chiếu nói: “Phật pháp hưng pháp từ xưa đến nay đã lâu xa, công năng cứu giúp lợi ích ngầm ở còn mất. Vết thân để lại mẫu mực, tin đáng nương tựa vậy”. Và có ban sắc ở kinh ấp xây dựng trang nghiêm dung nghi quĩ phạm, tu sửa cung điện vườn nhà, khiến những người kính tin quy hướng có nơi dừng ở. Năm đó mới tạo dựng ngôi Phật đồ cao năm cấp, điện núi Kỳ-xà-quật và núi Tu di. Lại thêm nghiêm sức gấm lụa, riêng tạo dựng giảng đường, thiền thất và nơi Sa-môn tĩnh tọa, thủy đều đầy đủ. Các vị kiểm xét sách sử, thông rành Nho giáo đều ngợi ca Phật pháp là rất mực tốt lành! Tà kiến duyên gì mà tự chuốc tội nghịch. Đến thời Thế Tổ (Minh Nguyên Đế - Thác Bạt Tư 409-424) thời Bắc Tống lên ngôi, cũng tuân theo Thái Tổ Thái Tông thường dẫn mời các Sa-môn cao đức chung cùng đàm luận. Cứ đến ngày mồng tám tháng tư, kiêng kiêu tôn tượng chư Phật đi ngoài đường lớn, vua đích thân đến trên cửa lầu rải hoa lễ kính. Sa-môn Tuệ Thủy rất có thần dị, Hách Liên xướng phá Trường an nói: “Tuệ Thủy thân bị mũi nhọn đâm chém, mà hình thể không tổn thương, suốt hơn năm mươi năm chưa từng ngủ nằm, đi chân trần mà bùn đất chẳng dính bẩn, sắc màu càng sáng sạch, người đời tôn xưng là “Bạch cước A-luyện-nhã”, chúa thời bấy giờ rất kính trọng nên hưng thịnh hoàng truyền Phật pháp. Đến lúc thị tịch sau hơn mười năm, vẫn nghiêm nhiên không biến hoại”.

Đến đời vua Thái Võ Đế (Thác Bạt Đào 424-452) thời Bắc Ngụy, Thôi Hạo làm Tư Đồ, rất không kính tin Phật pháp, từng cùng vua đàm luận muốn phỉ báng phá hủy. Nhân Cái Ngô làm loạn ở Quan Trung, Thôi Hạo tiến tới luận nói, bèn phá hủy Phật pháp. Đạo sĩ thiên sư Khấu Khiêm Chi khổ cùng Thôi Hạo tranh luận, nhưng Thôi Hạo chẳng chịu theo, Khấu Khiêm Chi mới bảo: “Từ năm nay ông nhận chịu phá diệt Phật pháp vậy”. Sau đó, vua Thái Võ Đế khắp thân hình phát sinh mụn nhọt lở loét, đau khổ khó nhẫn nổi. Quần thần cùng nhau bàn nghị: “Thôi Hạo tà vạy xiểm nịnh, phá hủy Phật pháp. Bệ hạ mắc phải tai họa, hẳn do từ đó”. Về sau, Thôi Hạo quả nhiên bị giết chết chịu đủ

năm thứ cực hình. Đâu chẳng phải tích chứa điều xấu ác phải nhận chịu ương họa, thật đáng xót thương rất lắm!

Xét thấy trong thời Nguyên Ngụy cả thảy có mười bảy đời vua, trải suốt thời gian một trăm bảy chín năm (386-556), chỉ có trong khoảng bảy tám năm, Phật pháp bị phế hủy, ngoài ra rạn ngời, chẳng thể trình bày hết cả. Năm Hưng Quang thứ nhất (454) thời Bắc Ngụy, ở nơi chùa lớn năm cấp, và Từ Thái Tổ trở xuống cả thảy năm đời vua chú đức năm tôn tượng, mỗi tôn tượng cao lớn một tượng sáu thước, dùng bằng hai mươi lăm vạn cân vàng. Năm Thái Hòa thứ nhất (477) thời Bắc Ngụy, ở nơi Phương Sơn do Thái Tổ doanh lũy, xây dựng chùa Tư Viễn. Tháng bảy năm Canh tý (520), tức năm Chánh Quang thứ nhất thời Bắc Tống, vua Hiếu Minh Đế (Nguyên Hư 56-528) ban chế triều phục, xá tội cho thiên hạ. Ngày hai mươi ba tháng bảy, thỉnh mời các Tăng Ni Đạo sĩ nữ quan đến trước điện, thiết trai cúng dường. Sau khi trai hội xong, vua sai Thị Trung Lưu Đằng tuyên cáo sắc ban mời các Pháp sư v.v... cùng Đạo sĩ luận nghị để cởi mở lưới nghi cho đệ tử. Bấy giờ, Đạo sĩ Khương Bân ở Thanh thông quán cùng Pháp sư Đàm Mô ở chùa Dung Giác đối luận với nhau. Vua Hiếu Minh Đế hỏi: “Phật và Lão Tử có đồng thời chăng?” Khương Bân đáp: “Lão Tử đến Tây Vực hóa người Hồ, khi ấy Phật được sung làm thị giả, nên rõ ràng là đồng thời vậy”. Pháp sư Đàm Mô hỏi: “Lấy gì để biết được?” Khương Bân đáp: “Căn cứ Lão Tử khai thiên kinh, lấy đó mà được biết”. Pháp sư Đàm Mô hỏi: “Lão Tử sinh năm nào, ở đời vua nào trong thời nhà Chu? Và đến năm nào, ở đời vua nào thì vào Tây Vực Hóa Hồ?” Khương Bân đáp: “Ngay đời vua Định Vương (Cơ Du 606-585 trước Tây Lịch) năm thứ ba, thời Đông Chu, tức năm Ất Mão, Lão Tử ra đời lúc giờ tý đêm mười bốn tháng chín tại Lý Khúc Nhân làng Lệ huyện Khổ quận Trần nước Sở. Đến đời vua Giản Vương (Cơ Dị 585-571 trước Tây Lịch) năm thứ tư thời Đông Chu, tức năm Đinh Sửu, phụng sự nhà Chu, làm Thư tạng lại. Đến năm thứ mười ba đời vua Giản Vương thì chuyển đổi làm Thái sử. Đến đời vua Kính Vương (có cải 519-476 trước Tây Lịch) năm thứ nhất thời Đông Chu, ngày mười lăm tháng tám năm Canh Thìn, thấy nhà Chu đạo đức giảm suy, Lão Tử bèn cùng Tán quan lệnh Y Hỷ theo hướng Tây vào Hóa Hồ. Như thế đủ rõ vậy”. Pháp sư Đàm Mô bắt ngay đó, bảo: “Phật đản sinh ngày mồng tám tháng tư năm thứ hai mươi tư của đời vua Chiêu Vương (Cơ Hạ 1000-976 trước Tây lịch) thời Tây Chu, Phật diệt độ ngày Rằm tháng hai năm thứ năm mươi hai của đời vua Mục Vương (có mẫn 976-921 trước Tây Lịch) thời Tây Chu. Tính từ khi Đức Phật



nhập Niết-bàn đến năm thứ ba của đời vua Định Vương thời Đông Chu là trải qua ba trăm bốn mươi lăm năm, Lão Tử mới ra đời, tức Phật sinh đã tám mươi lăm năm. Đến năm thứ nhất của đời vua Kính Vương thời Đông Chu, là đã trải qua bốn trăm hai mươi lăm năm, Lão Tử mới cùng Y Hỷ trốn đến Tây Vực. Đó thì năm tháng khác nhau, điều nói chẳng đồng, há chẳng sai nhầm ư?”. Khương Bân hỏi: “Nếu nói Phật ra đời ở thời vua Chiêu Vương, thì lấy từ văn ký nào?”. Pháp sư Đàm Mô đáp: “Lấy từ Chu Thư Dị Ký và Hán Pháp bản nội truyện, đều có văn từ rõ ràng”. Khương Bân nói: “Lão Tử đã là chế pháp Thánh nhân. Ngay thời của Phật đã không văn ký”. Pháp sư Đàm Mô bảo: “Sự nhận biết của nhân giả đồng như chỗ thấy qua lỗ nhỏ, lén nhìn chẳng xa rộng. Căn cứ Lão Tử có ba bị mười kinh, nghĩa là thiên, địa, nhân (trời, đất và người). Văn ngôn của Phật xuất phát từ trung bị. Nhân giả khéo tự mở xem, đủ được rõ hiểu”. Khương Bân nói: “Lão Tử là Thánh nhân, không nói mà biết, nào mượn bói đoán ư?”. Pháp sư Đàm Mô đáp: “Chỉ có Phật là vua của các Thánh, đứng đầu của bốn loài, thấu đạt ngần mé trước sau của tất cả chúng sinh, tốt xấu đui đầu, chẳng mượn bói xem. Ngoài ra, các Thánh nhân khác tuy hiểu nhưng lý chưa như vậy, hẳn mượn nhờ rùa già để thông quẻ linh vậy”.

Vua Hiếu Minh Đế liền sai Thị trung thượng thư Lệnh Nguyên lại tuyên sắc cáo nói cùng các Đạo sĩ là: “Khương Bân luận nghị không tông chỉ”. Và hỏi Khương Bân rằng: “Khai thiên kinh có được từ xứ nào? Và do ai nói ra?”. Đồng thời liền sai Trung thư thị lang Ngụy Thâu, thượng thư Lang Tổ Oánh v.v... đến Đạo Quán lấy kinh. Và vua sai bảo các quan nhân bàn nghị đó.

Khi ấy, Thái úy Đan Dương Vương Tiêu Tông, Thái phó Lý Thật, Vệ úy khanh Hứa Bá Đào, Lại bộ thượng thư Hình Loan, Tán kỵ thường thị Ôn Tử Thăng v.v... cả thấy một trăm bảy mươi người đọc xong, tấu rằng: “Lão Tử chỉ trước thuật năm ngàn văn từ, ngoài ra không còn nói gì khác. Với sự bàn nghị của các thần chúng tôi, thì Khương Bân tội đáng mê hoặc quần chúng”.

Khi ấy, vua Hiếu Minh Đế hành phạt Khương Bân tội cực hình, may có Tam Tạng Pháp sư Bồ-đề Lưu Chi can gián xin tha tội chết, mới được thôi. Phối đồ mã ấp từ sau niên hiệu Hưng Quang (454-455) thời Bắc Ngụy, từ trong Kinh Đô đến ngoài bốn phương, các chùa mới và cũ có cả thấy sáu ngàn bốn trăm bảy mươi tám ngôi. Tăng Ni có bảy vạn bảy ngàn hai trăm năm mươi tám vị, vì Ứng Sư Tào làm chùa Báo Đức.

---

Xét từ đầu thời nhà Ngụy có được thiên hạ cho đến thiên luận Phật kinh lưu thông đại tập tại Trung Hoa có cả thảy bốn trăm mười lăm bộ, gồm một ngàn chín trăm mười chín quyển, lược tính Tăng Ni có hai trăm vạn vị, chùa viện có hơn ba vạn ngôi. Bấy giờ trong đời hưng thịnh thái bình, dân chúng an vui phong phú, Tăng Ni đông nhiều chẳng từng trái nghịch người. Kịp đến lúc Vĩnh Gia theo hướng Nam chuyển dời, mãi đến thời nhà Trần, có cả ba trăm năm, tượng giáo hưng phát lưu truyền đến phương Đông, chánh pháp rất mực thịnh hành, các bậc danh đức thường xuất hiện, lợi ích gấp bội lắm nhiều, rạng ngời Quân vương đương thời, không có hung đảng.

